TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày: 12-3-2025
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Toàn;

2. Ông Lê Phú Chánh Thể.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre*** tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông **Đỗ Hiệp P**, sinh năm 1995 (Vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Ông **Phan Tuấn A**, sinh năm 1998 (Có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã S, huyện L1, tỉnh Bến Tre;

Cùng địa chỉ liên hệ: Ấp T1, xã P1, thành phố B1, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L2, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Văn bản trình bày ý kiến; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là ông Phan Tuấn A trình bày:

Từ năm 2022 âm lịch đến năm 2023 âm lịch, bà Nguyễn Thị H có tham gia chơi các dây hụi do bà Trần Thị Đ làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 06/8/2022 âm lịch, gồm 27 phần, bà H tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 06 tại nhà trước đây của bà Đ là ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre. Bà H đã đóng hụi cho bà Đ được 16 tháng với số tiền tổng cộng là 26.140.000 (hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng, cụ thể:

+ Ngày 06/9/2022 âm lịch, hụi kêu 100.000 (một trăm nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 900.000 đồng x 02 = 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/10/2022 âm lịch, hụi kêu 100.000 (một trăm nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 900.000 đồng x 02 = 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/11/2022 âm lịch, hụi kêu 120.000 (một trăm hai mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 880.000 đồng x 02 = 1.760.000 (một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/12/2022 âm lịch, hụi kêu 130.000 (một trăm ba mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 870.000 đồng x 02 = 1.740.000 (một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/01/2023 âm lịch, hụi kêu 130.000 (một trăm ba mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 870.000 đồng x 02 = 1.740.000 (một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/02/2023 âm lịch, hụi kêu 140.000 (một trăm bốn mươi nghìn) đồng, bà Hạnh đóng tiền hụi cho bà Đậm là 860.000 đồng x 02 = 1.720.000 (một triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/02/2023 nhuần âm lịch, hụi kêu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 850.000 đồng x 02 = 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/3/2023 âm lịch, hụi kêu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 850.000 đồng x 02 = 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/4/2023 âm lịch, hụi kêu 170.000 (một trăm bảy mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 830.000 đồng x 02 = 1.660.000 (một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/5/2023 âm lịch, hụi kêu 180.000 (một trăm tám mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 820.000 đồng x 02 = 1.640.000 (một triệu sáu trăm bốn

mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/6/2023 âm lịch, hụi kêu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 800.000 đồng x 02 = 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/7/2023 âm lịch, hụi kêu 230.000 (hai trăm ba mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 770.000 đồng x 02 = 1.540.000 (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/8/2023 âm lịch, hụi kêu 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 750.000 đồng x 02 = 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/9/2023 âm lịch, hụi kêu 260.000 (hai trăm sáu mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 740.000 đồng x 02 = 1.480.000 (một triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/10/2023 âm lịch, hụi kêu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 700.000 đồng x 02 = 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/11/2023 âm lịch, hụi kêu 320.000 (ba trăm hai mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 680.000 đồng x 02 = 1.360.000 (một triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- Dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 06/12/2022 âm lịch, gồm 27 phần, bà H tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 06 tại nhà trước đây của bà Đ là ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre. Bà H đã đóng cho bà Đ được 12 tháng với số tiền tổng cộng là 19.060.000 (mười chín triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng, cụ thể:

+ Ngày 06/01/2023 âm lịch, hụi kêu 100.000 (một trăm nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 900.000 đồng x 02 = 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/02/2023 âm lịch, hụi kêu 120.000 (một trăm hai mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 880.000 đồng x 02 = 1.760.000 (một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/02/2023 nhuần âm lịch, hụi kêu 140.000 (một trăm bốn mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 860.000 đồng x 02 = 1.720.000 (một triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/03/2023 âm lịch, hụi kêu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 850.000 đồng x 02 = 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/4/2023 âm lịch, hụi kêu 170.000 (một trăm bảy mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 830.000 đồng x 02 = 1.660.000 (một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/5/2023 âm lịch, hụi kêu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 800.000 đồng x 02 = 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/6/2023 âm lịch, hụi kêu 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng, bà

H đóng tiền hụi cho bà Đ là 780.000 đồng x 02 = 1.560.000 (một triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/7/2023 âm lịch, hụi kêu 230.000 (hai trăm ba mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 770.000 đồng x 02 = 1.540.000 (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/8/2023 âm lịch, hụi kêu 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 750.000 đồng x 02 = 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/9/2023 âm lịch, hụi kêu 260.000 (hai trăm sáu mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 740.000 đồng x 02 = 1.480.000 (một triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng.

+ Ngày 06/10/2023 âm lịch, hụi kêu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 700.000 đồng x 02 = 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng.

+ Ngày 06/11/2023 âm lịch, hụi kêu 330.000 (ba trăm ba mươi nghìn) đồng, bà H đóng tiền hụi cho bà Đ là 670.000 đồng x 02 = 1.340.000 (một triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Bà H đã đóng hụi cho bà Đ với số tiền tổng cộng là 45.200.000 (bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng. Đến tháng 12/2023 âm lịch, bà Đ tuyên bố bể hụi. Như vậy, bà Đ còn nợ bà H số tiền hụi tổng cộng là 45.200.000 (bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng, bà H đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà Đ không trả cho bà H số tiền này.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số tiền hụi tổng cộng là 45.200.000 (bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn bà Đ đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do vắng mặt nhiều lần, không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Đ trả cho bà H số tiền hụi tổng cộng là 45.200.000 (bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc bà Trần Thị Đ trả số tiền hụi còn nợ lại; bà Đ đang cư trú tại xã L2, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H là ông Đỗ Hiệp P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt. Bị đơn bà Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà Đ.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H:

Theo bà H trình bày thì từ 2022 âm lịch đến năm 2023 âm lịch bà H có tham gia chơi 02 dây hụi do bà Đ làm chủ và bà Đ còn nợ lại bà số tiền hụi tổng cộng là 45.200.000 (bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng đến nay chưa trả nên bà khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà H là 02 Danh sách hụi viên của 02 dây hụi, cụ thể: dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 06/8/2022 âm lịch, gồm 27 phần, tên hụi viên có "CHỊ H" tham gia 02 phần và dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 06/12/2022 âm lịch, gồm 27 phần, tên hụi viên có "chị H" tham gia 02 phần. Bà H trình bày thì dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 06/8/2022 âm lịch thì bà đã đóng hụi cho bà Đ được 16 tháng với số tiền tổng cộng là 26.140.000 (hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng nên bà Đ có nợ tiền hụi của bà tổng cộng là 26.140.000 (hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng; đối với dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 06/12/2022 âm lịch thì bà đã đóng hụi cho bà Đ được 12 tháng với số tiền tổng cộng là 19.060.000 (mười chín triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng nên bà Đ có nợ tiền hụi của bà tổng cộng là 19.060.000 (mười chín triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Theo các biên bản xác minh ngày 15/01/2025 thì bà Trần Thị Bé T, bà Đỗ Thị Thu A1 và bà Lê Thị H1 đều xác nhận các bà và bà H có tham gia chơi 02 dây hụi trên (bà H tham gia mỗi dây 02 phần), đến nay bà H chưa hốt hụi; bà Đ có giao cho các hụi

viên 02 Danh sách hụi viên, chính là 02 Danh sách hụi viên mà bà H đã cung cấp cho Tòa án, trong 02 Danh sách hụi viên ghi tên bà H là "CHỊ H" và "chị H". Theo Biên bản làm việc ngày 23/01/2025 thì bà Nguyễn Thị N có thừa nhận do đi làm ăn xa nên bà H nhờ bà đi khui hụi, đóng hụi dùm cho bà H; bà có đi khui hụi và đóng hụi đầy đủ cho bà Đ, đến nay bà H vẫn chưa hốt hụi; sau đó bà Đ tuyên bố vỡ hụi và còn nợ tiền hụi của bà H đến nay chưa trả. Tòa án đã nhiều lần mời bà Đ đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng bà Đ đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Do đó, có cơ sở xác định bà H có tham gia chơi 02 dây hụi do bà Đ làm chủ là dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 06/8/2022 âm lịch và dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, khui ngày 06/12/2022 âm lịch, bà Đ còn nợ tiền hụi của bà H tổng cộng là 45.200.000 (bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, bà H không yêu cầu tính lãi nên được ghi nhận.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Đ trả cho bà H số tiền hụi còn nợ lại tổng cộng là 45.200.000 (bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận, buộc bà Đ trả cho bà H số tiền hụi còn nợ lại tổng cộng là 45.200.000 (bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.260.000 (hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng do bà Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

Buộc bị đơn bà Trần Thị Đ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền hụi còn nợ lại tổng cộng là 45.200.000 (bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng, ghi nhận nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.260.000 (hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng do bị đơn bà Trần Thị Đ phải nộp.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004304 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến